

BÀI 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN

Câu 1: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là:

- A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.
- B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.
- C. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- D. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của tòa án.

Câu 2: Các quyền tự do cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Luật qui định mối quan hệ cơ bản giữa:

- A. Công dân với pháp luật.
- B. Nhà nước với pháp luật.
- C. Nhà nước với công dân.
- D. Công dân với Nhà nước và pháp luật.

Câu 3: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể được ghi nhận tại điều 20 Hiến pháp 2013 là:

- A. Quyền tự do nhất.
- B. Quyền tự do cơ bản nhất.
- C. Quyền tự do quan trọng nhất.
- D. Quyền tự do cần thiết nhất.

Câu 4: Các quyền tự do cơ bản của công dân được quy định trong:

- A. Hiến pháp năm 2013.
- C. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.
- B. Bộ luật hình sự.
- D. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 5: Khám chỗ ở đúng pháp luật là:

- A. Khám chỗ ở khi có lệnh của những người có thẩm quyền.
- B. Khám chỗ ở theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
- C. Khám chỗ ở khi có lệnh của những người có thẩm quyền và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.
- D. Khám chỗ ở khi khẳng định có tội phạm ở trong đó.

Câu 6: Trong thời hạn bao nhiêu giờ, kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn và tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp, Viện Kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

- A. 12.
- B. 24.
- C. 36.
- D. 72.

Câu 7: “Không ai bị bắt nếu không có quyết định hoặc phê chuẩn của”

- A. Tòa án hoặc Viện kiểm sát.
- B. Cơ quan điều tra.
- C. Chính quyền địa phương.
- D. Ủy ban nhân dân quận (huyện).

Câu 8: Ai có quyền bắt người phạm tội quả tang?

- A. Mọi công dân.
- B. Chính quyền địa phương.
- C. Cơ quan điều tra.
- D. Người có thẩm quyền.

Câu 9: Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải.....

- A. Chịu trách nhiệm dân sự.
- B. Chịu trách nhiệm hình sự.

- C. Bị coi là vi phạm pháp luật.
- D. Chịu trách nhiệm hành chính.

Câu 10: Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước thông qua quyền?

- A. Quyền phát biểu ý kiến.
- B. Quyền bầu cử, ứng cử
- C. Quyền tự do ngôn luận.
- D. Quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 11: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có nghĩa là:

- A. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án.
- B. Người phạm tội quả tang thì ai cũng có quyền bắt.
- C. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.
- D. Chỉ được bắt người trong trường hợp được pháp luật quy định cho phép.

Câu 12: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở có nghĩa là:

- A. Trong mọi trường hợp, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
- B. Công an có quyền khám chỗ ở của một người khi có dấu hiệu nghi vấn ở nơi đó có phương tiện, công cụ thực hiện tội phạm.
- C. Chỉ được khám xét chỗ ở của một người khi được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- D. Chỉ được khám xét chỗ ở của một người khi phát hiện có tội phạm đang lẩn tránh ở đó.

Câu 13: Trong các quyền tự do cơ bản của công dân, quyền quan trọng nhất là:

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 14: Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp:

- A. Đang bị truy nã.
- B. Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.
- C. Phạm tội đang hưởng án treo.
- D. Phạm tội quả tang.

Câu 15: Ai có quyền bắt người trong trường hợp khẩn cấp?

- A. Bất kì ai.
- B. Chính quyền địa phương.
- C. Cơ quan điều tra.
- D. Người có thẩm quyền.

Câu 16: Hành vi nào dưới đây là xâm phạm đến sức khỏe của người khác?

- A. Tự tiện bắt người.
- B. Tự tiện giam giữ người.

C. Đánh người gây thương tích.

D. Đe dọa đánh người.

Câu 17: Ai có quyền tự do ngôn luận?

A. Người từ 18 tuổi trở lên.

B. Học sinh trung học phổ thông.

C. Mọi công dân.

D. Những người có chức, có quyền.

Câu 18: Ai có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam?

A. Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp.

B. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

C. Thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp.

D. Bí thư Đảng ủy các cấp.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác là vi phạm pháp luật thuộc loại :

A. Vi phạm hình sự.
chính.

B. Vi phạm hành

C. Vi phạm dân sự.

D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 20: Đây là hành vi xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của người khác ?

A. Đánh người gây thương tích..
cứ.

B. Bắt người do nghi ngờ không có căn

C. Đánh đập người khác đến chết.

D. Vu khống người khác phạm tội.

Câu 21: Trong trường hợp nào dưới đây thì bất kì ai cũng có quyền được bắt người?

A. Có dự định thực hiện hành vi phạm tội

B. Đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

C. Có dấu hiệu thực hiện hành vi phạm tội.

D. Bị nghi ngờ phạm tội.

Câu 22: Ý nào không đúng về ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là:

A. Nhằm ngăn chặn hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.

B. Nhằm bảo vệ sức khỏe cho công dân.

C. Nhằm ngăn chặn hành vi bạo lực giữa công dân với nhau.

D. Giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Câu 23: Bất kì ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc UBND nơi gần nhất những người thuộc đối tượng:

A. Đang thực hiện tội phạm.

B. Sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt.

C. Đang bị truy nã.

D. Tất cả các đối tượng trên.

Câu 24: Người nào bịa đặt những điều nhằm xúc phạm đến danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác thì bị xử lí như thế nào?

- A. Phạt cảnh cáo.
- B. Cải tạo không giam giữ đến hai năm.
- C. Phạt tù từ ba tháng đến hai năm.
- D. Tùy theo hậu quả mà áp dụng một trong các trường hợp trên.

Câu 25: Ý nào sau đây không đúng về Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là:

- A. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- B. Việc bắt người phải theo quy định của pháp luật.
- C. Người đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì ai cũng có quyền bắt.
- D. Không ai được phép vào nơi ở của người khác khi không được cho phép.

Câu 26: Ý nào sau đây không đúng về Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là:

- A. Trong mọi trường hợp, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
- B. Công an có quyền khám chỗ ở của một người khi có dấu hiệu nghi vấn ở nơi đó có phương tiện, công cụ thực hiện tội phạm.
- C. Chỉ được khám xét chỗ ở của một người khi được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- D. Mọi người đều được phép tự ý vào chỗ ở của người khác.

Câu 27: Nghi ngờ ông A lấy tiền của mình ông B cùng con trai tự ý vào nhà ông A khám xét, hành vi này xâm phạm quyền nào sau đây?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền nhân thân của công dân.
- C. Quyền bí mật thư tín điện thoại, điện tín.
- D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 28: Trong lúc A đang bận việc riêng thì có tin nhắn, T đã tự ý mở điện thoại của A ra xem tin nhắn, hành vi này xâm phạm quyền gì của công dân?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. Quyền nhân thân của công dân.
- C. Quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 29: Nhận định nào sau đây sai?

- A. Tự tiện bắt và giam giữ người là hành vi trái pháp luật.
- B. Bắt và giam giữ người trái pháp luật là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. Không ai được bắt và giam giữ người.
- D. Bắt và giam giữ người trái phép sẽ bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Câu 30: Nhận định nào sau đây đúng?

Khi có ngườilà người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn được.

A. Chính mắt trông thấy.

B. Các nhận đúng

C. Chứng kiến nói lại

D. Kể lại.

Câu 31: Nhận định nào sai? Phạm tội quả tang là người...

A. Có ý định tội phạm.

B. Khi đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện.

C. Ngay khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt.

D. Đã thực hiện hành vi phạm tội.

Câu 32: Ai có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và giải ngay đến cơ quan?

A. Công an.

B. Viện kiểm sát.

C. Người dân.

D. Mọi đối tượng.

Câu 33: "Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất, liên quan đến quyền được sống trong tự do của con người, liên quan đến hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong mối quan hệ với công dân." là một nội dung thuộc...

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 34: "Tự tiện bắt và giam, giữ người là hành vi trái pháp luật sẽ bị xử lý nghiêm minh." là một nội dung thuộc...

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 35: "Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang." là một nội dung thuộc...

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 36: "Pháp luật qui định rõ các trường hợp và cơ quan thẩm quyền bắt, giam, giữ người." là một nội dung thuộc....

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 37: "Pháp luật qui định về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nhằm ngăn chặn mọi hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với qui định của pháp luật." là một nội dung thuộc...

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 38: "Trên cơ sở pháp luật, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải tôn trọng và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của cá nhân, coi đó là quyền bảo vệ con người – quyền công dân trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh." là một nội dung thuộc...

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 39: "Tính mạng và sức khỏe của con người được bảo đảm an toàn, không ai có quyền xâm phạm tới." là một nội dung thuộc...

A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 40: "Công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm." là một nội dung thuộc...

A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 41: "Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 42: "Danh dự và nhân phẩm của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 43: "Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm là quyền tự do thân thể và phẩm giá con người." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 44: "Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm xuất phát từ mục đích vì con người, đề cao nhân tố con người." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.
- C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

Câu 45: "Việc cá nhân, tổ chức tự tiện vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm pháp luật." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 46: "Việc khám xét chỗ ở của công dân phải tuân theo trình tự thủ tục do pháp luật qui định." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 47: "Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 48: "Chỉ trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 49: "Qui định pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở nhằm bảo đảm cho công dân – con người có một cuộc sống tự do trong một xã hội dân chủ, văn minh." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 50: "Trên cơ sở qui định của pháp luật, quyền của công dân được tôn trọng và bảo vệ, từ đó công dân có cuộc sống bình yên, có điều kiện để tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước." là một nội dung thuộc...

- A. Khái niệm về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

- B. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Ý nghĩa về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- D. Nội dung về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 51: "Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là điều kiện cần thiết để bảo đảm đời sống riêng tư của mọi cá nhân trong xã hội." là một nội dung thuộc....

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 52: "Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu huỷ thư, điện tín của người khác." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 53: "Thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 54: "Những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín không được giao nhằm cho người khác, không được để mất thư, điện tín của nhân dân." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 55: "Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật có qui định và phải có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 56: "Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền tự do cơ bản của công dân, thuộc loại quyền về bí mật đời tư của cá nhân được pháp luật bảo vệ." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Ý nghĩa về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- C. Nội dung về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.
- D. Khái niệm về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Câu 57: "Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận.
- B. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận.
- C. Nội dung về quyền tự do ngôn luận.
- D. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận.

Câu 58: "Công dân có thể trực tiếp phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình trong các cuộc họp." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận.
- B. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận.
- C. Nội dung về quyền tự do ngôn luận.
- D. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận.

Câu 59: "Quyền tự do ngôn luận là chuẩn mực của một xã hội mà trong đó nhân dân có tự do, dân chủ, có quyền lực thực sự." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận. B. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận.
C. Nội dung về quyền tự do ngôn luận. D. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận.

Câu 60: "Công dân có quyền đóng góp ý kiến, kiến nghị với các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân về những vấn đề mình quan tâm." là một nội dung thuộc...

- A. Bình đẳng về quyền tự do ngôn luận. B. Ý nghĩa về quyền tự do ngôn luận.
C. Nội dung về quyền tự do ngôn luận. D. Khái niệm về quyền tự do ngôn luận.

Câu 61: Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền tự do cơ bản là trách nhiệm của?

- A. Nhân dân. B. Công dân. C. Nhà nước. D. Lãnh đạo Nhà nước.

Câu 62: Tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của?

- A. Nhân dân. B. Công dân. C. Nhà nước. D. Lãnh đạo Nhà nước.

Câu 63: Phải học tập tìm hiểu nội dung các quyền tự do cơ bản để phân biệt hành vi đúng pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật là trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nào?

- A. Nhân dân. B. Công dân. C. Nhà nước. D. Lãnh đạo Nhà nước.

Câu 64: Có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của?

- A. Nhân dân. B. Công dân. C. Nhà nước. D. Lãnh đạo Nhà nước.

Câu 65: Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.
B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.
C. Chỉ được bắt người khi có quyết định của toà án.
D. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trừ trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 66: Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Công an có thể bắt người vi phạm pháp luật.
B. Chỉ được bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang.

C. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của Toà án hoặc của Viện kiểm soát.

D. Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 67: Đặt điều nói xấu người khác là vi phạm quyền gì?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 68: Đánh người gây thương tích là vi phạm quyền gì?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 69: Công an bắt giam người vì nghi ngờ lấy trộm xe máy là vi phạm quyền gì?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 70: Đi xe máy vượt đèn đỏ gây thương tích cho người khác là vi phạm quyền gì?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 71: Giam giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền gì?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 72: Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người là vi phạm quyền ?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 73: Tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm quyền?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Do mâu thuẫn, cãi vã to tiếng rồi chửi nhau, học sinh B chửi, lăng mạ A, học sinh A nóng giận mất bình tĩnh nên đã ném bình hoa ở lớp vào mặt học sinh B. Học sinh B tránh được nên bình hoa trúng vào đầu học sinh C đang đứng ngoài lên tiếng bênh vực học sinh A.

Câu 74: Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Không vi phạm gì

Câu 75: Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh C?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 76: Hành vi của học sinh B đã vi phạm quyền gì đối với học sinh A?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 77: Hành vi của học sinh B đã vi phạm quyền gì đối với học sinh C?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 78: Hành vi của học sinh C đã vi phạm quyền gì đối với học sinh A?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- D. Không vi phạm gì.

Câu 79: Hành vi của học sinh C đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B?

- A. Bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- C. Được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Không vi phạm gì.

Câu 80: Nghi ngờ con ông A lấy cắp điện thoại của mình, ông B cùng con trai tự tiện xông vào nhà ông A để khám xét. Hành vi này xâm phạm đến quyền:

- A. Quyền được bảo đảm bí mật đời tư của công dân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Câu 81: Vì ganh ghét nhau An đã tung tin nói xấu Mai trên facebook của mình. Hành vi đó xâm phạm tới quyền:

- A. Được pháp luật đảm bảo an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín.
- B. Được pháp luật bảo hộ về uy tín cá nhân.
- C. Được bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân.
- D. Được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.

Câu 82: Là học sinh em có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận ở địa phương mình không?

- A. Không, vì đây là quyền của những người từ đủ 18 tuổi trở lên
- B. Có, vì đây là quyền và nghĩa vụ của mọi công dân đối với địa phương mình
- C. Không, vì đây là quyền và trách nhiệm của cán bộ ở địa phương.
- D. Có, vì thông qua quyền này sẽ cho mọi người thấy khả năng ngôn luận của mình.

Câu 83: Nghi ngờ anh Nam lấy cắp xe máy của mình, ông Bình đã tự vào nhà anh Nam khám xét. Hành vi đó xâm phạm đến quyền:

- A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.
- B. Quyền được pháp luật bảo đảm về đời tư của công dân
- C. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân
- D. Quyền bất khả xâm phạm về tài sản riêng của công dân.

Câu 84: Do mâu thuẫn A gây gỗ với B. sau đó, cầm dao đuổi theo cô sát B. Được dân ở địa phương điện báo, công an X đến ngay hiện trường trực tiếp thấy sự việc như trên đã lập tức bắt A. Trong trường hợp này công an X đã:

- A. Thực hiện đúng việc bắt người theo quy định của pháp luật.
- B. Vi phạm nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- C. Thực hiện đúng quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của công dân.
- D. Thực hiện sai trình tự thủ tục bắt, giam giữ người.

Câu 85: Nếu có một bạn cùng lớp dùng điện thoại của em để xem tin nhắn, em sẽ làm gì?

- A. Không quan tâm vì bạn đó là bạn của em.
- B. Gặp trực tiếp bạn đó nói cho bạn biết em không hài lòng về hành vi này của bạn

- C. Nhờ cán bộ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- D. Nói với một số bạn khác về hành vi này của bạn ấy.

Câu 86: Sau khi kiểm tra 45p, vì ganh ghét Sơn đã tung tin về bạn Hải là làm bài không trung thực.

Hành vi trên của Sơn đã xâm phạm đến quyền cơ bản nào của công dân?

- A. Xâm phạm tính mạng của người khác.
- B. Xâm phạm sức khỏe của người khác.
- C. Xâm phạm danh dự của người khác.
- D. Xâm phạm thân thể người khác.

Câu 87: Anh Hưng đã bắt nhốt anh Bảy vì không trả tiền thuê nhà .

Hành vi nhốt người trên đã xâm phạm đến quyền cơ bản nào của công dân?

- A. Xâm phạm tính mạng của người khác.
- B. Xâm phạm sức khỏe của người khác
- C. Xâm phạm danh dự của người khác.
- D. Xâm phạm thân thể người khác.

Câu 88: Trong lúc A đang bận việc riêng thì điện thoại có tin nhắn, H đã tự ý mở điện thoại của A ra coi tin nhắn. Hành vi này của H đã xâm phạm quyền:

- A. Quyền tự do dân chủ.
- B. Quyền tự do ngôn luận.
- C. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại của công dân.
- D. Quyền được pháp luật bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của công dân.